| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **312**/2021/HS-PT
Ngày: 22-12-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Nam Phương

*Các thẩm phán*: Ông Nguyễn Thành Sơn

Bà Nguyễn Thị Quyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 244/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thế D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 320/2021/HS-ST ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

*Bị cáo có kháng cáo:*

**Lê Thế D** (tên gọi khác T), sinh năm 1994 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thế M, sinh năm 1958 và bà Trần Thị H, sinh năm 1959; Bị cáo chưa có vợ; con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 11/3/2020 (có mặt).

*(Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Bùi Thị H1, Lê Thị Ngọc H2 và Trần Công H3, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng do không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, Bùi Thị H1 (chị Ba) cùng chồng là Trần Công H3 (H3 Bò) thuê căn nhà cấp 4 do ông Dương Văn T làm chủ tại địa chỉ khu phố A,

phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để ở và mở quán bán nước giải khát. Đến tháng 4 năm 2017, vợ chồng H1, H3 nhờ Lê Thế D (tên gọi khác T) đứng tên đăng ký giấy phép kinh doanh bán nước giải khát tại căn nhà nêu trên nhưng thực tế thì vợ chồng H1 và H3 làm chủ, trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh của quán. Lúc đầu quán lấy tên "Ban Mai T" đến tháng 9 năm 2019 đổi tên thành quán "Cà phê Q".

Từ quan hệ quen biết, vợ chồng H1, H3 thuê D lái xe ô tô đưa rước học sinh, đồng thời, phụ giúp trông coi, quản lý quán. H1, H3 trả công cho D 8.000.000đồng/tháng, D được ăn ở ngay tại quán cùng H1, H3 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh năm 2005 (con riêng của H1).

Đến đầu năm 2018, H1 sử dụng địa điểm quán "Cà phê Q" do H1 làm chủ để tổ chức cho gái bán dâm và khách mua dâm thực hiện hành vi mua bán dâm hoặc kích dục ngay tại quán. H1 tuyển Lê Thị Ngọc H2 (T2) làm tiếp viên bán nước, mồi chài, thỏa thuận với khách nam giới đến quán uống nước có nhu cầu mua dâm. Hàng ngày, đưa khách mua dâm vào phòng số 2 và số 3 của quán để thực hiện hành vi mua bán dâm hoặc kích dục cho khách. Đến tháng 9 năm 2019, H1 tuyển thêm Phan Thị Thùy T3 (KA) làm tiếp viên cho quán và bán dâm cho khách có nhu cầu.

H1 không trả lương cho H2 và chị T3, những người này được H1 chia tiền từ việc bán dâm và kích dục cho khách. Hàng ngày, H1 có mặt tại quầy lễ tân để quản lý, thu tiền, điều hành gái bán dâm, phân công D đảm trách việc canh gác để cảnh báo nếu có cơ quan chức năng đến kiểm tra, trông coi quán và quản lý gái bán dâm. H1 quy định, khi khách đến quán uống nước có nhu cầu mua dâm hoặc kích dục thì H2, chị T3 có nhiệm vụ phục vụ nước và trực tiếp thỏa thuận giá cả. H2 là người trực tiếp thu tiền của khách còn chị T3 do không biết đếm tiền nên H2 đứng ra thu của khách hoặc D thu tiền rồi đưa lại cho H1 giữ, sau đó chia tiền cho chị T3. Mỗi lần mua bán dâm khách phải trả 300.000đồng, H2, chị T3 được H1 chia 250.000đồng, còn lại 50.000đồng H1 hưởng lợi; nếu khách có nhu cầu kích dục thì phải trả 150.000đồng, số tiền này H2, chị T3 được chia 100.000đồng còn lại 50.000đồng H1 hưởng. Trung bình mỗi ngày H2, chị T3 mua bán dâm hoặc kích dục cho 02 - 03 khách, khách mua dâm đều không rõ nhân thân lai lịch.

Quá trình thực hiện hành vi chứa mại dâm, H1 thu lợi bất chính tổng số tiền khoảng 25.875.000đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), H1 đã chi tiêu cho cuộc sống gia đình và tiêu xài hết.

Từ giữa tháng 02 năm 2020, hàng ngày, H1 giao cho chị T3 vừa phải bán dâm cho khách tại quán vừa phải dọn dẹp vệ sinh quán, rửa bát. Trong thời gian này, H1 cho rằng chị T3 lười biếng, làm việc chậm chạp, làm vệ sinh, rửa bát không sạch, không vâng lời và khi bán dâm hay bị khách mua dâm phản ánh về thái độ phục vụ không chu đáo nên vợ chồng H1, H3 đánh chị T3. H1 còn lôi kéo chỉ đạo cho D và H2 cùng tham gia đánh chị T3. H1, H3, D, H2 chuẩn bị nhiều công cụ như: Cây sắt vuông dài 80cm, hai cạnh 1,5cm x 1,5cm; 01 (một) sợi dây điện vỏ nhựa màu trắng, dài 80cm, bên trong có 02 sợi dây điện màu vàng xanh; 01 (một) cái vợt bắt muỗi màu đen cam, hiệu Comet được

D chế nối hai sợi dây điện và 01 roi điện (do vợ chồng H1, H3 mua trên mạng) để đánh chị T3.

Hàng ngày, chị T3 đều bị đánh, có ngày bị đánh 02 lần, mỗi lần đánh kéo dài khoảng 05 đến 10 phút. Khi đánh chị T3 thì H1, D, H2 sử dụng tay chân để tát, đá, dẫm lên người chị T3; dùng cây sắt, dây điện đánh; dùng roi điện và cái vợt muỗi bấm điện chích vào ngực, âm hộ và khắp người chị T3. H3 dùng tay tát và dùng roi điện chích vào người chị T3. Mỗi lần bị đánh đập hành hạ, chị T3 khóc van xin nhưng vẫn bị H1, D, H2 và H3 đánh. Trong thời gian chị T3 bị đánh, H1 đã 03 lần chỉ đạo cho H2 đi mua ớt bột trộn vào cơm ép buộc chị T3 ăn, vì sợ bị đánh và hành hạ nên mặc dù cay nhưng chị T3 vẫn phải miễn cưỡng ăn hết.

Do chị T3 bị đánh trong nhiều ngày và biết chị T3 có ý định bỏ trốn, mỗi lần ra khỏi quán H1 đều phân công D và H2 canh gác, giam lỏng chị T3 trong khu vực quán, không cho chị T3 bỏ trốn. Nhiều lần, khi H1, H3, D, H2 đi chơi ra khỏi quán thì H1 chỉ đạo D, H2 nhốt chị T3 trong phòng số 2 của quán và khóa chốt bên ngoài. Vì sợ bị bắt đánh đập, có D, H2 canh gác thường xuyên nên chị T3 không dám bỏ trốn.

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 10/3/2020, trong lúc H1 ra phía trước nhà cầm vòi nước tưới cây, thấy chị T3 đi lại gần, H1 dùng vòi nước đầu gắn sắt đập 01 cái trúng đầu chị T3 làm chảy máu. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi tất cả ăn cơm xong, H1 xuống khu vực rửa bát thấy chị T3 rửa bát không sạch nên H1 dùng tay tát vào mặt và dùng chân đá vào mặt, người chị T3. Khi H1 đang đánh chị T3 thì H2 cùng xông vào dùng tay tát vào mặt chị T3. Lúc này H3 chuẩn bị đi công việc, thấy vậy nói "nói nó không nghe thì đánh vào chân nó" rồi bỏ đi. H1 tiếp tục chỉ đạo H2 ra phía trước quán gọi D vào đánh chị T3. D đi xuống dùng chân đá vào người, dùng dây điện đánh và sử dụng vợt muỗi chích điện vào người chị T3 nhiều cái làm chị T3 ngất xỉu. Thấy vậy, D và H2 đưa chị T3 vào phòng nằm. Lúc này, H3 đi công việc về thấy chị T3 nằm dưới nền nhà, H3 lấy roi điện hăm dọa bắt chị T3 ngồi dậy. Thấy chị T3 bị thương nặng, sợ đưa đi Bệnh viện sẽ bị Công an phát hiện xử lý nên D tự đi mua thuốc về cho chị T3 uống. Đến khoảng 02 giờ ngày 11/3/2020, chị T3 kêu đau bụng và cầu cứu D đưa đi cấp cứu, do lo sợ chị T3 tử vong nên D và H2 chở chị T3 đến Bệnh viện Shingmark cấp cứu. Do chị T3 bị thương tích nặng, Bệnh viện Shingmark đã chuyển chị T3 đến Bệnh viên Đa khoa tỉnh Đồng Nai cấp cứu, điều trị. Đến ngày 11/3/2020, hành vi phạm tội của H1 cùng đồng bọn bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ.

Quá trình điều tra, Bùi Thị H1, Lê Thế D, Lê Thị Ngọc H2 khai nhận hành vi phạm tội như trên. Riêng Trần Công H3, trong suốt quá trình điều tra không thừa nhận hành vi đánh chị T3 gây thương tích. Tuy nH1, căn cứ vào lời khai nhận tội của Bùi Thị H1, Lê Thế D, Lê Thị Ngọc H2 và lời khai của bị hại Phan Thị Thùy T3, có đủ căn cứ xác định từ khoảng giữa tháng 02 năm 2020 đến ngày 10/3/2020 Trần Công H3 đã nhiều lần tham gia cùng với H1, D, H2 sử dụng tay, roi điện đánh, chích điện vào người chị T3 gây thương tích.

Vật chứng, tài sản đồ vật thu giữ, gồm: 01 (một) cây sắt hộp vuông dài

80cm, đường kính 1,5cm x1,5cm; 01 (một) sợi dây điện vỏ nhựa màu trắng, dài 80cm, bên trong có 02 sợi dây điện màu vàng xanh; 01 (một) cán vợt bắt muỗi màu đen cam, hiệu Comet là công cụ Bùi Thị H1 cùng đồng phạm sử dụng đánh, chích điện gây thương tích cho bị hại.

Đối với 01 roi điện của H3, H1 sử dụng chích vào người bị hại, sau khi gây án H1 đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0190/TgT/2020 ngày 18/3/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y Đồng Nai, kết luận Phan Thị Thùy T3 bị thương tích như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương môi trên kích thước 02cm x 01cm, Tỷ lệ: 03%

- Vết thương môi dưới kích thước 2,5cm x 1,5cm . Tỷ lệ: 03%

- Sẹo vùng cổ phía bên trái kích thước 0,8cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 1,3cm x 0,4cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 01cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 0,4cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo bờ trong cơ Delta phải kích thước 02cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%

- 08 sẹo nhỏ vùng ngực hai bên trên vú kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 0,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi sẹo

- Sẹo giữa xương ức kích thước 04cm x 03cm. Tỷ lệ: 03%

- Sẹo ngực trái kích thước 1,5cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo hạ sườn phải kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ: 01%

- 30 vết thương vùng hạ vị, bẹn hai bên, 1/3 trên hai đùi (sát bẹn) kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,2cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết và 01%; 01%.

- 20 vết thương gối trái kích thước từ 0,5cm x 0,3cm đến 0,9cm x 0,8cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết.

- 10 vết thương vùng gối phải kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,5cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết

- 15 vết thương đùi trái kích thước từ 0,5cm x 0,5cm đến 0,8cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết

- 30 vết sẹo mặt ngoài cẳng – cổ – bàn tay trái kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 0,8cm x 0,4cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết và 01% ; 01%.

- 08 sẹo mặt ngoài cánh tay phải kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 01cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết.

- Vết thương khuỷu phải kích thước 2,5cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%

- 08 Vết sẹo mặt sau ngoài cẳng tay phải kích thước từ 0,5cm x 0,2cm

đến 02cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết.

- 20 vết thương vùng lưng kích thước từ 01cm x 01cm đến 03cm x 02cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết.

- 10 sẹo vùng giữa lưng và thắt lưng kích thước từ 01cm x 01cm đến 02cm x 02cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết

- Vết thương ngực bên bên trái (lưng trái) kích thước 12cm x. Tỷ lệ: 03%.

- 22 vết thương cổ bàn chân trái kích thước từ 0,5cm x 0,3cm đến 1,3cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết.

- Vết thương mu bàn chân phải kích thước 01cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%.

- Vết thương mu bàn chân phải kích thước 03cm x 02cm. Tỷ lệ: 02%

- Sẹo mu bàn chân phải kích thước 01cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%

- Sẹo mu bàn chân phải kích thước 03cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 02%

- Vết thương gốc ngón I bàn tay phải kích thước 0,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%

- Tổn thương dập lách được điều trị bảo tồn. Tỷ lệ: 07%

- Tổn thương dập thận được điều trị bảo tồn. Tỷ lệ: 04%

- Tổn thương gãy cũ cung gò má phải. Tỷ lệ: 08%

- Tổn thương gãy cũ cung gò má trái. Tỷ lệ: 08%

- Tổn thương gãy cũ xương chính mũi. Tỷ lệ: 07%

- Tổn thương gãy mỏm gai C6. Tỷ lệ: 06%

- Tổn thương gãy cũ mỏm ngang L1-3 hai bên và L4 bên trái. Tỷ lệ: 25%

- Tổn thương gãy cũ thân xương ức. Tỷ lệ: 06%

- Áp dụng Chương 7 nguyên tắc chung cho nứt đầu ngoài xương đòn trái. Tỷ lệ: 03%

- Tổn thương gãy xương sườn số 6 bên phải. Tỷ lệ: 2,5%

- Tổn thương gãy cũ xương sườn từ số 1→5 bên phải và từ số 7 → 11 bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5% cho mỗi xương sườn

- Tổn thương gãy cũ xương sườn từ số 1→12 bên trái can xấu. Tỷ lệ: 2,5% cho mỗi xương sườn

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phan Thu Thùy T3, sinh năm 1996 áp dụng theo phương pháp cộng tại thông tư là: **96% (Chín mươi sáu phần trăm).**

- Đề nghị Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai trưng cầu giám định bổ sung để đánh giá di chứng của các tổn thương khi nạn nhân điều trị ổn định,

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích:

+ Chấn thương đầu, mặt, ngực, bụng, đùi hai bên, cẳng chân hai bên. Cột sống cổ, cột sống lưng: Vật tày.

+ Bỏng cổ, ngực, bụng, lưng và tay chân: Bỏng do nhiệt.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về thương tích số: 0362/TgT/2020 ngày 18/5/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y Đồng Nai, kết luận Phan Thị Thùy T3 bị thương tích như sau:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Các sẹo và vết thương, tổn thương xương, tổn thương dập thận đã giám định tỷ lệ trong Bản kết luận số: 0190/TgT/2020 ngày 18/3/2020 và tỷ lệ không đổi.

- Tỷ lệ tổn thương lách được định lại như sau: Tổn thương lách phải phẫu thuật cắt lách. Tỷ lệ 31%.

- Tổn thương nhu mô phổi để lại dải xơ xẹp thùy dưới phổi trái. Tỷ lệ 26%.

- Sẹo mổ trên và dưới rốn kích thước 10cm x 0,4cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo mổ dẫn lưu vùng hông trái, kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo mổ dẫn lưu vùng hông trái, kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo vùng dưới cằm kích thước 0,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo vùng cổ trái kích thước 01cm x 0,2cm. Tỷ lệ 01%.

- Sẹo vùng cổ trái kích thước 04cm x 0,3cm. Tỷ lệ 01%.

- Sẹo ngực trái kích thước 03cm x 02cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo đùi trái kích thước 2,5cm x 0,8cm. Tỷ lệ 02%.

- Sẹo đùi trái kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ 02%.

- 06 vết sây sát da 1/3 trên và mặt trong đùi phải để lại sẹo kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,4cm x 0,3cm. Tỷ lệ 01% cho mỗi sẹo.

- 60 vết sây sát da mặt trước ngoài cánh tay trái hiện đã bong vảy để lại biến đổi sắc tố da trên tổng diện tích kích thước 20cm x10cm. Tỷ lệ 01%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trường Bộ y tế quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định bổ sung của nạn nhân Phan Thị Thùy T3, sinh năm 1996 áp dụng theo phương pháp cộng tại Thông tư là: **98% (Chín mươi tám phần trăm).**

3. Kết luận khác:

- Vật gây thương tích:

+ Chấn thương đầu, mặt, ngực, bụng, đùi hai bên, cẳng chân hai bên. Cột sống cổ, cột sống lưng do: Vật tày.

+ Bỏng cổ, ngực, bụng, lưng và tay chân: Bỏng do nhiệt.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số: 0430/GĐHS/2020 ngày 25/6/2020 của Giám định viên Trung tâm pháp y Đồng Nai và Công văn số: 311/TTPY/2020 ngày 19/8/2020 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận thời gian hình thành tổn thương cơ thể, cơ chế hình thành vết thương, tỷ lệ thương tích của chị Phan Thị Thùy T3 như sau:

"Kết luận theo nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định:

Thời gian hình thành tổn thương cơ thể, cơ chế hình thành vết thương như sau:

*** Thời gian khoảng dưới 03 ngày:**

- Tổn thương dập thận được điều trị bảo tồn. Tỷ lệ: 04%. Tổn thương này do vật tày tác động lực mạnh vào vùng thắt lưng trái gây ra.

- Tổn thương gãy xương sườn số 6 bên phải. Tỷ lệ: 2,5%. Tổn thương này do vật tày tác động lực mạnh vào vùng ngực gây ra.

-Tổn thương gãy mỏm gai C6. Tỷ lệ: 06%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào cổ sau gây ra.

- Áp dụng Chương 7 nguyên tắc chung cho nứt đầu ngoài xương đòn trái. Tỷ lệ: 03%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng xương đòn trái gây ra.

- Tổn thương lách phải phẫu thuật cắt lách. Tỷ lệ: 31%. Tổn thương này do vật tày tác động lực mạnh và vùng hạ sườn trái gây ra.

- Tổn thương nhu mô phổi để lại dải xơ xẹp thùy dưới phổi trái. Tỷ lệ: 26%. Tổn thương do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng ngực trái gây gãy xương sườn tràn dịch màng phổi gây dày dính màng phổi.

- 06 vết sây sát da 1/3 trên và mặt trong đùi phải (để lại sẹo) kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,4cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi sẹo. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- 60 vết sây sát da mặt trước ngoài cánh tay trái (hiện đã bong vảy để lại biến đổi sắc tố da trên tổng diện tích kích thước 20cm x10cm). Tỷ lệ: 01%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát vùng dưới cằm (để lại sẹo) kích thước 0,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%. Và sưng nề má phải, bầm tủ máu dưới cằm. Tất cả tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát vùng cổ trái (để lại sẹo) kích thước 01cm x 0,2cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát vùng cổ trái (để lại sẹo) kích thước 0,4cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát ngực trái (để lại sẹo) kích thước 03cm x 02cm. Tỷ lệ: 02%.

Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát đùi trái (để lại sẹo) kích thước 2,5cm x 0,8cm. Tỷ lệ: 02%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát đùi trái (để lại sẹo) kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ: 02%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- 02 vết xây sát da vùng trán kích thước 01cm x 01cm và 01cm x 0,5cm. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Bầm tím kèm sưng nề trán phải kích thước 03cm x 1,1cm. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Xây sát đuôi mắt phải, đỉnh mũi và má trái, trên môi trên bên trái, mặt trước vai phải. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Vết hằn tụ máu thành bụng, đùi phải, đùi trái. Tổn thương này do vật tày tác động với lực tương đối gây ra.

- Xây sát da cẳng cổ bàn tay trái, sấy sát bầm tụ máu cánh tay phải, bầm tụ máu cẳng chân 2 bên. Tổn thương này do vật tày tác động với lực nhẹ gây ra.

- Các vết thâm da thành ngực bên phải bụng trái và hạ vị. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

Tổng tỷ lệ: 62,9% làm tròn 63%.

*** Thời gian từ khoảng 03 đến 07 ngày:**

- Vết thương môi trên kích thước 02cm x 01cm. Tỷ lệ: 03%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- Vết thương môi dưới kích thước 2,5cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 03%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Sẹo bờ trong cơ Delta phải kích thước 02cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Sẹo giữa xương ức kích thước 04cm x 03cm. Tỷ lệ: 03%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- Sẹo hạ sườn phải kích thước 01cm x 01cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Vết thương ngực bên bên trái (lưng trái) kích thước 12cm x 04cm. Tỷ lệ: 03%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Vết thương mu bàn chân phải kích thước 03cm x 02cm. Tỷ lệ: 02%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- Vết thương mu bàn chân phải kích thước 01cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

Tổng tỷ lệ: 15,8% làm tròn 16%,

*** Thời gian khoảng trên 07 ngày:**

- Sẹo vùng cổ phía bên trái kích thước 0,8cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 1,3cm x 0,4cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 01cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- Sẹo vùng cổ trước kích thước 0,4cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ

- 08 sẹo nhỏ vùng ngực hai bên trên vú kích thước từ 0,2cm x 0,2 đến 0,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi sẹo. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- Sẹo ngực trái kích thước 1,5cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- 30 vết thương vùng hạ vị, bẹn hai bên, 1/3 trên hai đùi (sát bẹn) kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,2cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết và 01%; 01%. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

- 20 vết thương gối trái kích thước từ 0,5cm x 0,3cm đến 0,9cm x 0,8cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- 10 vết thương vùng gối phải kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 1,5cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- 15 vết thương đùi trái kích thước từ 0,5cm x 0,5 đến 0,8cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

- 30 vết sẹo mặt ngoài cẳng – cổ – bàn tay trái kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 0,8cm x 0,4cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết và 01%; 01%. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- 08 sẹo mặt ngoài cánh tay phải kích thước từ 0,2cm x 0,2cm đến 01x01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

- Vết thương khuỷu phải kích thước 2,5cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- 08 Vết sẹo mặt sau ngoài cẳng tay phải kích thước từ 0,5cm x 0,2cm đến 02x01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương do vật tày tác động với lực nhẹ.

- 20 vết thương vùng lưng kích thước từ 01cm x 01cm đến 03cm x 02cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- 10 sẹo vùng giữa lưng và thắt lưng kích thước từ 01cm x 01cm đến 02cm x 02cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- 22 vết thương cổ bàn chân trái kích thước 0,5cm x 0,3cm đến 1,3cm x 01cm. Tỷ lệ: 01% cho mỗi vết. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- Sẹo mu bàn chân phải kích thước 03cm x 1,5cm. Tỷ lệ: 02%. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

- Sẹo mu bàn chân phải kích thước 01cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện

- Vết thương gốc ngón I bàn tay phải kích thước 0,5cm x 0,5cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương bỏng dạng nốt nghi do điện.

Tổng tỷ lệ: 82,76% làm tròn 83%.

***Thời gian khoảng trên 03 tuần:**

- Tổn thương gãy cũ cung gò má phải. Tỷ lệ: 08%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng mặt gây ra.
- Tổn thương gãy cũ cung gò má trái. Tỷ lệ: 08%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng mặt gây ra.
- Tổn thương gãy cũ xương chính mũi. Tỷ lệ: 07%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng mặt gây ra.
- Tổn thương gãy cũ mỏm ngang L1-3 hai bên và L4 bên trái. Tỷ lệ: 25%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng lưng tương ứng vị trí gây ra.
- Tổn thương gãy cũ thân xương ức. Tỷ lệ: 06%. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng ngực giữa (vùng xương ức) gây ra.
- Tổn thương gãy cũ xương sườn từ số 1 đến số 5 bên phải và từ số 7 đến số 11 bên phải can xấu. Tỷ lệ: 2,5% cho mỗi xương sườn. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng ngực và lưng bên phải gây ra.
- Tổn thương gãy cũ xương sườn từ số 1 đến số 12 bên trái can xấu. Tỷ lệ: 2,5% cho mỗi xương sườn. Tổn thương này do vật tày tác động với lực rất mạnh vào vùng ngực và lưng trái gây ra".

Tổng tỷ lệ: 68,2% làm tròn 68%.

**Tổng tỷ lệ toàn bộ: 98%.**

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị Thùy T3 yêu cầu các bị cáo Bùi Thị H1, Trần Công H3, Lê Thế D và Lê Thị Ngọc H2 bồi thường tiền chi phí điều trị thương tích và các yêu cầu khác là 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hiện gia đình các bị cáo Bùi Thị H1 và Trần Công H3 đã bồi thường cho bị hại 52.000.000đồng (Năm mươi hai triệu đồng).

Quá trình điều tra ban đầu, chị Phan Thị Thùy T3 khai trong quá trình làm việc tại quán ở chung phòng với Lê Thế D và nhiều lần tự nguyện giao cấu với D nhưng sau đó chị T3 thay đổi lời khai bị D đe dọa nên miễn cưỡng cho D giao cấu. D khai, D và chị T3 tự nguyện giao cấu. Kết quả điều tra chưa đủ cơ sở xác định D thực hiện hành vi hiếp dâm đối với chị Phan Thị Thùy T3.

Ngoài ra chị Phan Thị Thùy T3 còn khai: T3 được người đàn ông chạy xe ôm (chưa rõ lai lịch) ở Bình Dương giới thiệu và chở chị T3 từ tỉnh Bình Dương đến quán của Bùi Thị H1 để bán dâm. H1 khai, người đàn ông chở chị T3 đến giới thiệu cho H1 là tên K (không rõ lai lịch) chạy xe ôm khu vực trạm thu phí Bình Dương. K vài lần đến quán của H1 uống nước nên quen biết H1. H1 thỏa thuận với K tìm giúp tiếp viên bán quán cà phê, H1 sẽ trả công. Tháng 9 năm 2019, K chở chị T3 đến giới thiệu cho H1 và được H1 trả công 2.000.000đồng. Do chưa rõ nhân thân lai lịch đối tượng tên K chuyển giao chị T3 cho H1 để nhận tiền nên chưa đủ cơ sở xử lý hành vi mua bán người.

Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Tại bản án sơ thẩm số 320/2021/HS-ST ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa áp dụng các điểm a, c, khoản 2 Điều 327; điểm a, d, khoản 2, Điều 157; khoản 1, Điều 140; điểm a, đ, i khoản 1 và điểm d, khoản 4, Điều 134 của Bộ luật hình sự; Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự; Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Thế D phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử bị cáo Bùi Thị H1 20 năm 6 tháng tù, bị cáo Lê Thị Ngọc H2 09 năm 08 tháng tù và bị cáo Trần Ngọc Huấn 07 năm tù.

Ngày 07/6/2021, bị cáo Lê Thế D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thế D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khẳng định án sơ thẩm xử bị cáo bề tội danh điều luật như trên là đúng, bị cáo đã nhận thấy tội lỗi ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo.

*Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, bị cáo đã nhận tội, cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội danh điều luật là đúng, mức án cấp sơ thẩm xử là tương xứng tính chất mức độ phạm tội của bị cáo nên bị cáo kháng cáo xin giảm án là không có cơ sở nên không được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm và phúc thẩm đều thực hiện đầy đủ, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào khoảng từ tháng 12 năm 2020 đến ngày 10/3/2020 tại quán "Cà phê Q" bị cáo Bùi Thị H1 cho rằng chị Phan Thị Thùy T3 (nhân viên bán nước) chịu sự quản lý của bị cáo H1, bị cáo H1 cho rằng chị T3 lười biếng, làm việc chậm chạp, không vừa ý và phục vụ khách mua dâm không chu đáo nên bị cáo H1 đã có hành vi chỉ đạo cho các bị cáo Lê Thế D, Lê Thị Ngọc H2 (gái bán dâm) và trực tiếp cùng chồng là Trần Công H3 liên tiếp nhiều ngày, nhiều lần sử dụng roi điện, vợt muỗi bằng điện, cày sắt, dây điện để đánh đập và chích vào người chị T3. Trong những lần đánh đập hành hạ thể chất và giam nhốt chị T3, thì bị cáo H1 và đồng phạm còn dùng tay, chân đánh, tát, đá, dẫm đạp lên người chị T3. Hậu quả chị T3 bị thương tích hết cơ thể tại các vùng đầu, mặt,

ngực, bụng, đùi hai bên, cẳng chân hai bên, cột sống cổ cột sống lưng, bỏng nhiệt tại vùng cổ, ngực bụng, lưng, tay chân với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 98 %. Không những gây thương tích cho bị hại mà các bị cáo còn dùng các thủ đoạn hành hạ khác như 03 lần trộn ớt bột với cơm bắt chị T3 ăn.

Hành vi của bị cáo Lê thế D và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, xam phạm trật tự công cộng, xâm phạm sức khỏe, nhân phẩm danh dự người khác gây bất bình trong nhân dân.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm a, c, khoản 2, Điều 327; điểm a, d, khoản 2, Điều 157; khoản 1, Điều 140; điểm a, đ, i, khoản 1 và điểm d, khoản 4, Điều 134 của Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thế D 04 năm 6 tháng tù về tội "Chứa mại dâm", 02 năm 6 tháng tù về tội "Bắt giữ người trái pháp luật", 01 năm tù về tội "Hành hạ người khác" và 10 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội là 18 năm tù.

Xét thấy mức án trên là hoàn toàn tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thế D, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 320/2021/HS-ST ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Áp dụng điểm a, c, khoản 2, Điều 327; điểm a, d, khoản 2, Điều 157; khoản 1, Điều 140; điểm a, đ, i, khoản 1 và điểm d, khoản 4, Điều 134 của Bộ luật hình sự; điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo **Lê Thế D 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội "Chứa mại dâm"**; 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù** về tội "Bắt giữ người trái pháp luật"**; 01 (một) năm tù** về tội "Hành hạ người khác" **và 10 (mười) năm tù** về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội là **18 năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2020.

3. Về án phí: Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H (2);
- VKSND H;
- Công an H;
- Chi cục THADS H;
- Phòng PV06 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Trại giam;
- Lưu HS (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Nam Phương**